TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGÔ QUYỀN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 08/2021/DS-ST Ngày 23-8-2021 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Phương Liên

Bà Lê Bích Thủy

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Hà Phương - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Tô Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/QĐST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện L V Việt (gọi tắt là Ngân hàng); địa chỉ trụ sở: Tòa nhà C, số 109 đường T, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Q T, nơi cư trú: Thôn C, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; là người đại diện theo ủy quyền (Theo Quyết định ủy quyền số 205/2021/QĐ-LVPostBankHp ngày 25/02/2021 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện L V Chi nhánh Hải Phòng); có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn T T; nơi cư trú: Số 13 Tập thể D P 3, đường N, phường Gia Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng, trong bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/5/2016, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện L V và bà Nguyễn T T có ký hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 19/240616/02/360 ngày 16/5/2016, theo đó Ngân hàng cho bà T vay số tiền 100.000.000 đồng; thời hạn vay là 60 tháng; mục đích vay tiêu dùng, lãi suất vay do hai bên thỏa thuận là 8,75%/năm áp dụng cho kỳ đầu tiên; lãi suất nợ quá hạn bằng 150%/lãi suất cho vay trong hạn. Ngân hàng đã giải ngân số tiền 100.000.0000 đồng cho bà T theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 19/240616/02/360.

Bà T đã nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 18/8/2016.

Tính đến ngày 23/8/2021, bà Nguyễn T T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là: 101.676.520 đồng (trong đó nợ gốc: 61.698.486 đồng; nợ lãi trong hạn: 27.392.362 đồng ; nợ lãi quá hạn: 12.585.672 đồng) theo Hợp đồng hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 19/240616/02/360 ngày 16/5/2016. Bà Nguyễn T T tiếp tục trả lãi tính trên nợ gốc phát sinh từ sau ngày 23/8/2021 theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 19/240616/02/360 đã ký kết cho đến ngày trả xong nợ.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn T T phải có nghĩa vụ trả nợ tổng số tiền là 101.676.520 đồng theo Hợp đồng hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 19/240616/02/360 ngày 16/5/2016. Bà Nguyễn T T tiếp tục trả lãi tính trên nợ gốc phát sinh từ sau ngày 23/8/2021 theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến ngày trả xong nợ.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Quan điểm của bị đơn bà Nguyễn T T: Bà Nguyễn T T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó, bà T không có quan điểm về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; vắng mặt tại các phiên hòa giải và vắng mặt phiên tòa lần thứ ba dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định theo khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự; qua quá trình hỏi công khai tại phiên tòa, xét thấy các hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên là hợp pháp. Nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ giải ngân đủ số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 90, 91, 94, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; các điều 317, 319, 322, 429, 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về khoản nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày 23/8/2021 của Hợp đồng hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 19/240616/02/360 ngày 16/5/2016 số tiền là: 101.676.520 đồng (trong đó nợ gốc: 61.698.486 đồng; nợ lãi trong hạn: 27.392.362 đồng; nợ lãi quá hạn: 12.585.672 đồng).

Bà Nguyễn T T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ, theo mức lãi suất được hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí, bị đơn không có quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không có đơn đề nghị miễn giảm án phí nên vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận; nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhận định:

- Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về dân sự giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện L V và cá nhân là bà Nguyễn T T không có mục đích lợi nhuận (tranh chấp về hợp đồng tín dụng) được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn cư trú trên địa bàn quận Ngô Quyền nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền

theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tống đạt trực tiếp các văn bản cho bị đơn nhưng không đến trụ sở Tòa án để làm việc và vắng mặt không có lý do tại phiên hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Hợp đồng hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 19/240616/02/360 ngày 16/5/2016 được ký kết giữa bên cho vay là Ngân hàng và bên vay là bà Nguyễn T T tuân thủ quy định tại Điều 121, 122 của Bộ luật Dân sự với các điều khoản của hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy các hợp đồng trên là hợp pháp, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của hai bên. Theo đó, Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, giải ngân cho bà T vay đủ số tiền của hợp đồng là 100.000.000 đồng. Bà T đã nhận đủ tiền vay nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình theo điều khoản trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định trong các hợp đồng tín dụng. Ngân hàng khởi kiện buộc bà T phải trả nợ gốc, nợ lãi để thu hồi nợ là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận. Tính đến ngày 23/8/2021, bà Nguyễn T T còn nợ và có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc, nợ lãi còn lại của Hợp đồng hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 19/240616/02/360 ngày 16/5/2016 bao gồm:

+ Nợ gốc: 61.698.486 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 27.392.362 đồng

+ Nợ lãi quá hạn:12.585.672 đồng.

Tổng là: 101.676.520 đồng.

[4] Như vậy, bà T còn nợ Ngân hàng tổng các khoản tiền nợ gốc, nợ lãi đối với Hợp đồng hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 19/240616/02/360 ngày 16/5/2016 số tiền là: 101.676.520 đồng (trong đó nợ gốc: 61.698.486 đồng; nợ lãi trong hạn: 27.392.362 đồng ; nợ lãi quá hạn: 12.585.672 đồng).

- Về án phí:

[5] Căn cứ khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn

không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện L V số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Bị đơn bà Nguyễn T T không có quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không có đơn đề nghị miễn giảm án phí nên vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là 101.676.520 đồng x 5% = 5.083.826 đồng.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 90, 91, 94, 95, 98 của Luật Các tổ chức Tín dụng;

Căn cứ vào các Điều 317, 319, 322, 429, 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện L V đối bà Nguyễn T T.

1. Bị đơn bà Nguyễn T T phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện L V tổng số tiền nợ còn lại của Hợp đồng hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 19/240616/02/360 ngày 16/5/2016 tổng số tiền tạm tính đến ngày 23/8/2021 là: 101.676.520 (một trăm linh một triệu, sáu trăm sáu mươi bẩy nghìn, lăm trăm hai mươi) đồng trong đó:

- Nợ gốc: 61.698.486 đồng;

- Nợ lãi trong hạn: 27.392.362 đồng;

- Nợ lãi quá hạn: 12.585.672 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn T T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay

theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn T T phải chịu 5.083.826 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện L V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện L V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006972 ngày 04/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải phòng.

3. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện L V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn bà Nguyễn T T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Phương